

Vietnam Daily Review

Phiên giảm mạnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 27/9/2022		•	
Tuần 26/9-30/9/2022		•	
Tháng 9/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index mở cửa với gap âm. Lực bán tháo đẩy chỉ số đi một mạch xuống vùng 1,160 trước khi bật lên và đóng cửa tại mốc 1,174.35. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 17/19 ngành giảm điểm, ngành duy nhất giữ được sắc xanh hôm nay là ngành Ô tô và phụ tùng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. Cây nến với bóng nến dưới dài cho thấy lực bắt đáy ở vùng 1,160 khá tốt. Áp lực từ đà tăng đồng USD cùng với thông tin tăng lãi suất tiếp tục khiến thị trường suy yếu. Khuyến nghị các nhà đầu tư nên hạn chế giao dịch trong các phiên tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐ đều giảm theo VN30. Nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 26/9/2022, các chứng quyền giảm mạnh theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-28.93** điểm, đóng cửa **1174.35** điểm. HNX-Index **-8.76** điểm, đóng cửa **255.68** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+0.53)**, **VIB (+0.13)**, **EIB (+0.13)**, **VCG (+0.1)**, **TCH (+0.08)**.
- Kéo chỉ số giảm: **CTG (-1.82)**, **BID (-1.73)**, **VHM (-1.43)**, **VNM (-1.43)**, **VPB (-1.31)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **15,976** tỷ đồng, tăng **56.84%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 17,552 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 44.16 điểm. Thị trường có 42 mã tăng, 31 mã tham chiếu, **462** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-558.42** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **NLG (-169.96 tỷ)**, **KDH (-140.85 tỷ)**, **SSI (-69.17 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **1.39** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1174.35**
Giá trị: 15975.63 tỷ **-28.93 (-2.4%)**
Khối ngoại (ròng): -558.42 tỷ

HNX-INDEX **255.68**
Giá trị: 1688.82 tỷ **-8.76 (-3.31%)**
Khối ngoại (ròng): 1.39 tỷ

UPCOM-INDEX **86.68**
Giá trị: 633.2 tỷ **-1.91 (-2.16%)**
Khối ngoại (ròng): -44.63 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	78.1	-0.80%
Giá vàng	1,646	0.13%
Tỷ giá USD/VND	23,731	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	44,830	-0.29%
Tỷ giá JPY/VND	16,501	0.00%
LS liên NH 1 tháng	5.2%	0.22%
LS TPCP 5 năm	4.3%	0.11%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	67.95	NLG	-169.96
STB	67.42	KDH	-140.85
BCM	20.72	SSI	-69.17
E1VFN3C	16.41	VNM	-62.77
VCB	10.71	CTG	-62.52

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Hiệu suất PTKT	Trang 2
Thị trường phái sinh	Trang 3
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Khuyến nghị dài hạn	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
8/5/2022	DRC	29.5	34	27.5	31.2	52	5.76%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:								(**) Tiệm cận giá mục tiêu

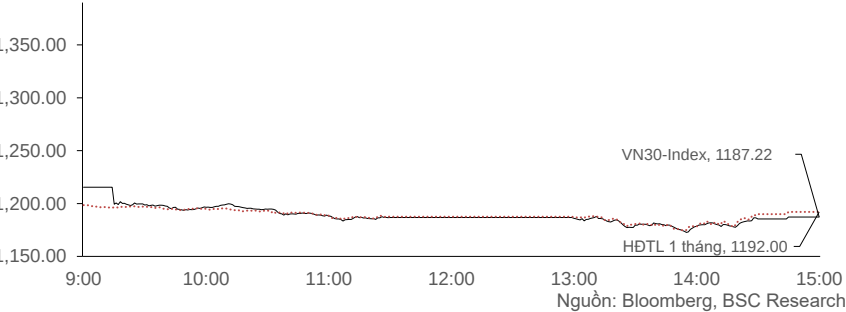
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
8/18/2022	PTB	67.8	77	64	SL	21	-5.60%
8/4/2022	VTP	62.3	70	58.5	SL	46	-6.10%
8/3/2022	REE	81.2	93	78.5	SL	54	-3.33%
8/2/2022	POW	13.75	16	13	SL	55	-5.45%
8/1/2022	NLG	41.25	48.25	38.6	SL	46	-6.42%
7/20/2022	HAH	67.9	78.5	64.1	SL	7	-5.60%
7/18/2022	GVR	23.2	23.5	21.9	TP	65	1.29%
6/28/2022	C47	13.25	16	12.8	SL	8	-3.40%
6/27/2022	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/23/2022	GMD	53	60	49.5	SL	12	-6.60%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
6/1/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất			TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm		

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	1	0	5.76%	0.00%	5.76%	52
Cổ phiếu đã chốt	250	227	7.06%	-7.49%	4.08%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2210	1192.00	-1.49%	4.78	11.0%	312,221	10/20/2022	26
VN30F2211	1183.90	-1.70%	-3.32	-41.7%	645	11/17/2022	54
VN30F2212	1190.00	-1.35%	2.78	53.2%	213	12/15/2022	82
VN30F2203	1189.00	-2.03%	1.78	45.7%	188	3/16/2023	173

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -28.19 điểm xuống 1187.22 điểm, biên độ dao động 29.52 điểm. Các cổ phiếu như VPB, VNM, MBB, TCB, và STB đã tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 tiếp đà giảm sâu so với phiên trước. Thanh khoản tăng đột biến vượt ngưỡng trung bình 20 phiên cho thấy tâm lý tiêu cực bao trùm thị trường, tín hiệu bán tháo đang được phát đi mạnh mẽ. Thị trường sẽ còn biến động khó lường trong ngắn hạn. Nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong phiên tới.
- Các HĐ đều giảm theo VN30. Xét về KLGD, các HĐ tăng trừ VN30F2211. Xét về vị thế mở, HĐ VN30F2210 giảm, các HĐ còn lại tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CNVL2201	10/5/2022	9	20:1	16,500	24.76%	1,100	20	0.00%	0	67.75	95,579	93,979	84,500
CNVL2206	1/3/2023	99	16:1	112,100	24.76%	1,000	760	0.00%	336	2.26	97,599	83,999	84,500
CTCB2204	10/7/2022	11	5:1	6,600	31.79%	2,400	30	0.00%	0	99,673.17	45,750	45,000	33,250
CMSN2206	1/3/2023	99	19.8:1	288,600	41.89%	1,000	320	-5.88%	190	1.68	144,239	133,333	107,700
CTPB2204	3/28/2023	183	10:1	134,000	39.87%	1,000	510	-7.27%	361	1.41	31,688	23,888	24,900
CKDH2208	12/7/2022	72	4.54:1	189,700	31.29%	2,400	440	-10.20%	245	1.80	41,339	35,891	29,600
CFPT2206	12/12/2022	77	4.94:1	269,700	32.84%	1,000	1,100	-12.00%	490	2.25	99,588	92,000	81,500
CVPB2209	12/9/2022	74	16:1	171,100	36.47%	1,000	390	-15.22%	246	1.59	41,599	26,879	27,600
CTCB2207	1/13/2023	109	3:1	3,700	31.79%	1,000	370	-15.91%	154	2.40	45,730	43,000	33,250
CKDH2209	3/28/2023	183	7.26:1	176,300	31.29%	1,200	520	-17.46%	303	1.72	44,257	36,344	29,600
CTCB2208	12/26/2022	91	2:1	2,400	31.79%	4,000	1,060	-17.83%	376	2.82	45,380	40,000	33,250
CVJC2203	12/27/2022	92	20:1	515,000	27.76%	1,400	260	-18.75%	90	2.90	143,131	131,131	110,100
CHPG2218	12/9/2022	74	4:1	162,700	37.18%	1,100	410	-19.61%	194	2.12	28,088	24,888	22,400
CHPG2219	3/10/2023	165	5:1	10,200	37.18%	1,000	600	-21.05%	205	2.93	31,688	26,888	22,400
CSTB2209	10/19/2022	23	3:1	1,500	45.29%	2,400	30	-25.00%	0	393.03	32,840	32,000	20,500
CTPB2203	10/28/2022	32	10:1	301,000	39.87%	1,000	220	-33.33%	247	0.89	29,499	22,999	24,900
CVRE2208	11/7/2022	42	2:1	165,100	39.53%	2,300	350	-33.96%	299	1.17	33,280	32,000	26,650
CTCB2206	11/7/2022	42	4:1	282,600	31.79%	1,700	70	-36.36%	9	7.48	45,540	43,500	33,250
CHDB2205	10/20/2022	24	5:1	110,100	32.92%	1,000	90	-43.75%	26	3.42	29,311	27,111	23,450
CSTB2208	10/20/2022	24	5:1	1,600	45.29%	1,100	10	-50.00%	0	24.91	30,861	30,111	20,500
Tổng		2,920,500	34.77%**										

Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất Lãi suất phi rủi ro là 4.75% **Trung bình độ lệch chuẩn	CR: Tỷ lệ chuyển đổi Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
------------	--	---

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 26/9/2022, các chứng quyền giảm mạnh theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CKDH2210 và CPNJ2205 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt ở mức 100% và 20%. Giá trị giao dịch tăng 6.28%. CHPG2219 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 11.69%.
- CVPB2208, CSTB2214, CMSN2210, và CVPB2207 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHDB2205, CHPG2219, CHDB2206, và CVHM2210 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2207, CHPG2216, CMWG2208, và CMWG2209 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

BSC

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	68.0	-2.0%	0.6	4,327	15.2	3,436	19.8	4.4	49.0%	24.2%
PNJ	Bán lẻ	111.1	-2.5%	0.6	1,188	2.4	5,978	18.6	3.4	49.0%	20.1%
BVH	Bảo hiểm	57.9	-0.9%	1.1	1,869	5.7	2,411	24.0	2.0	26.4%	8.4%
PVI	Bảo hiểm	43.8	-2.2%	0.7	446	0.1	3,289	13.3	1.3	58.6%	9.9%
VIC	Bất động sản	62.0	-1.0%	0.5	10,281	3.2	(60)	#N/A N/A	2.2	12.2%	-0.2%
VRE	Bất động sản	26.7	-6.5%	1.1	2,633	2.1	571	46.7	1.9	32.1%	4.2%
VHM	Bất động sản	55.9	-2.3%	0.8	10,583	6.7	6,478	8.6	2.0	23.1%	25.9%
DXG	Bất động sản	23.1	-6.9%	1.4	610	11.7	1,223	18.9	1.5	29.1%	8.2%
SSI	Chứng khoán	19.5	-5.6%	1.8	1,263	19.6	2,674	7.3	1.4	34.7%	22.0%
VCI	Chứng khoán	30.7	-5.8%	1.0	581	10.8	3,497	8.8	1.9	17.0%	24.3%
HCM	Chứng khoán	25.8	-2.6%	1.6	513	9.3	2,522	10.2	1.5	40.8%	17.5%
FPT	Công nghệ	81.5	-1.1%	0.9	3,887	6.6	4,512	18.1	4.6	49.0%	27.1%
FOX	Công nghệ	65.0	-3.1%	0.4	928	0.0	4,926	13.2	3.6	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	113.6	1.0%	1.0	9,453	3.3	6,669	17.0	3.7	3.0%	24.3%
PLX	Dầu khí	36.1	-3.0%	1.5	1,994	2.3	723	50.0	2.0	17.5%	3.8%
PVS	Dầu khí	24.7	-6.1%	1.6	513	10.8	1,104	22.4	1.0	10.8%	4.4%
BSR	Dầu khí	21.9	-3.9%	0.8	2,952	7.7	2,108	10.4	1.8	41.1%	19.1%
DHG	Dược	87.4	-1.8%	0.3	497	0.1	6,361	13.7	3.0	54.2%	23.1%
DPM	Hóa chất	46.5	-6.1%	1.4	791	8.5	14,563	3.2	1.4	15.2%	51.9%
DCM	Hóa chất	35.1	-3.2%	1.3	808	10.5	7,025	5.0	1.9	8.5%	44.7%
VCB	Ngân hàng	75.0	-1.2%	0.8	15,432	4.1	5,273	14.2	2.9	23.5%	21.9%
BID	Ngân hàng	33.4	-3.9%	1.2	7,346	2.9	2,562	13.0	1.9	16.9%	15.0%
CTG	Ngân hàng	23.5	-6.0%	1.5	4,910	6.6	3,056	7.7	1.1	26.9%	15.1%
VPB	Ngân hàng	27.6	-4.0%	1.2	5,371	21.3	3,755	7.4	1.4	17.7%	22.2%
MBB	Ngân hàng	20.1	-4.3%	1.3	3,962	8.9	3,467	5.8	1.3	23.2%	26.0%
ACB	Ngân hàng	22.2	-1.8%	1.1	3,260	4.4	3,482	6.4	1.4	30.0%	25.4%
BMP	Nhựa	58.5	-2.3%	0.7	208	0.2	4,413	13.3	2.0	85.1%	15.2%
NTP	Nhựa	38.5	-2.0%	0.6	217	0.1	3,914	9.8	1.7	17.8%	18.0%
MSR	Tài nguyên	18.3	-4.2%	1.6	875	0.2	178	102.8	1.4	10.1%	1.4%
HPG	Thép	22.4	-1.3%	1.1	5,663	25.0	4,747	4.7	1.3	20.9%	31.8%
HSG	Thép	15.2	-6.2%	1.6	395	5.5	3,511	4.3	0.8	4.4%	19.3%
VNM	Tiêu dùng	74.0	-3.5%	0.5	6,724	11.1	4,055	18.2	4.5	55.0%	25.8%
SAB	Tiêu dùng	185.0	-1.1%	0.8	5,158	1.1	7,018	26.4	5.2	62.8%	21.0%
MSN	Tiêu dùng	107.7	-0.8%	1.0	6,667	3.1	7,172	15.0	5.3	29.0%	40.2%
SBT	Tiêu dùng	16.7	-2.6%	1.6	455	1.1	1,381	12.1	1.2	7.8%	8.3%
ACV	Vận tải	82.5	-2.9%	0.8	7,809	0.1	363	227.4	4.8	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	110.1	-2.4%	1.1	2,593	2.4	176	625.0	3.5	16.2%	0.6%
HVN	Vận tải	14.3	-2.4%	1.7	1,372	0.9	(4,373)	#N/A N/A	#N/A N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	47.4	-2.7%	1.0	621	1.6	2,705	17.5	2.1	47.2%	12.5%
PVT	Vận tải	19.9	-6.8%	1.4	279	3.5	1,982	10.0	1.2	14.4%	12.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	68.5	-3.4%	0.9	477	0.2	10,334	6.6	2.2	2.9%	36.9%
VGC	Vật liệu xây dựng	57.0	-3.2%	0.7	1,111	5.4	4,350	13.1	3.3	5.2%	27.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.3	-4.0%	1.1	237	0.4	505	28.3	1.0	1.9%	3.6%
CTD	Xây dựng	67.0	-3.2%	1.2	215	1.8	(958)	#N/A N/A	0.6	52.6%	-0.8%
CII	Xây dựng	20.3	-6.5%	1.5	223	10.8	1,446	14.0	0.9	9.0%	6.9%
REE	Điện	78.5	-6.1%	-1.4	1,213	4.3	6,593	11.9	2.0	49.1%	17.7%
PC1	Điện	36.0	-7.0%	-0.4	368	4.3	2,081	17.3	1.7	4.5%	10.5%
POW	Điện	12.8	-4.5%	0.6	1,303	10.7	676	18.9	1.0	2.7%	5.3%
NT2	Điện	30.5	-2.1%	0.6	382	2.4	3,116	9.8	2.0	13.9%	20.9%
KBC	Khu công nghiệp	27.9	-5.9%	1.6	929	7.1	324	85.9	1.5	17.3%	2.1%
BCM	Khu công nghiệp	93.8	-1%	0.9	4,221	2.8	1,640	57.2	5.6	2.8%	11.2%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	113.60	0.98	0.53	666700
VIB	22.55	1.12	0.13	2.79MLN
EIB	35.10	1.15	0.13	1.34MLN
VCG	26.00	3.17	0.10	12.74MLN
TCH	11.45	4.09	0.08	10.17MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
CTG	0.00	-1.43	2.73MLN	1.11MLN
BID	0.00	-1.43	3.39MLN	607060
VHM	0.00	-1.31	17.75MLN	373600
VNM	-0.01	-1.09	1.76MLN	192700
VPB	0.00	-1.08	1.26MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PDN	131.70	6.99	0.04	600.00
CLW	34.65	6.94	0.01	100
TNC	63.50	6.90	0.02	3300
TDW	46.50	6.90	0.01	100
LEC	11.20	6.67	0.01	17200

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CTG	23.50	-6.00	-1.82	6.44MLN
BID	33.40	-3.88	-1.73	2.02MLN
VHM	55.90	-2.27	-1.43	2.73MLN
VNM	74.00	-3.52	-1.43	3.39MLN
VPB	27.60	-4.00	-1.31	17.75MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

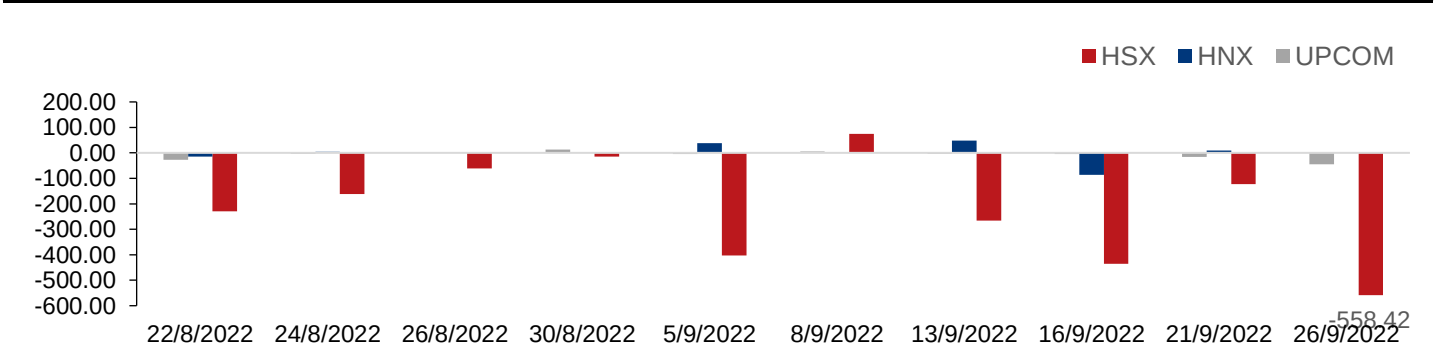
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DNP	25.00	2.88	0.10	13400.00
PMC	66.90	7.56	0.03	3300.00
TAR	28.50	2.15	0.03	3.17MLN
TPP	11.20	9.80	0.03	600.00
VHL	22.30	6.19	0.03	200

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHS	10.40	-7.14	-0.96	11.11MLN
NVB	18.00	-5.76	-0.86	292200
THD	45.70	-2.97	-0.80	14100
CEO	23.90	-9.47	-0.79	5.19MLN
HUT	24.20	-7.28	-0.63	3.18MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TPP	11.20	9.8	0.03	600
CX8	6.10	8.9	0.00	2500
HMH	13.90	7.8	0.01	32500
PMC	66.90	7.6	0.03	3300
PTD	15.00	7.1	0.00	600.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
L14	78.30	-10.00	-0.33	284900
CAN	53.50	-9.93	-0.02	100
HEV	37.30	-9.90	0.00	100
DIH	36.00	-9.77	-0.02	20900
L18	33.30	-9.76	-0.10	107900

Hình 3
 Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	ACV	Hàng không	Mua	14/09/22	87.0	105.0	82.5	363	227.4	4.8	Click
2	PNJ	Bán lẻ	Mua	13/09/22	112.2	145.5	111.1	5,978	18.6	3.4	Click
3	PVD	Dầu khí	Mua	09/09/22	20.5	27.1	20.7	0	#N/A N/A	0.8	Click
4	FPT	CNTT	Mua	06/09/22	84.1	107.9	81.5	4,512	18.1	4.6	Click
5	BMP	Nhựa	Mua	07/09/22	62.0	76.9	58.5	4,413	13.3	2.0	Click
6	TLG	Tiêu dùng	Mua	06/09/22	63.2	75.6	60.4	4,637	13.0	2.4	Click
7	KDH	Bất động sản	Mua	30/08/22	37.6	48.2	29.6	1,755	16.9	2.0	Click
8	HAH	Vận tải biển	Theo dõi	24/08/22	64.4	78.0	48.6	9,171	5.3	1.7	Click
9	VHC	Thủy sản	Mua	24/08/22	86.1	108.5	81.0	11,226	7.2	2.0	Click
10	PHR	Bất động sản	Mua	16/08/22	66.5	87.0	60.0	4,901	12.2	2.5	Click
11	BSR	Dầu khí	Mua	19/08/22	24.4	28.4	21.9	2,108	10.4	1.8	Click
12	NLG	Bất động sản	Mua	16/08/22	42.8	53.5	33.1	1,966	16.8	1.5	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	13/08/22	28.0	38.3	23.1	1,223	18.9	1.5	Click
14	HPG	Thép	Mua	09/08/22	24.1	27.9	22.4	4,747	4.7	1.3	Click
15	DBC	Tiêu dùng	Mua	03/08/22	25.5	31.8	24.8	1,127	22.0	1.2	Click
16	DPM	Phân bón	Theo dõi	04/07/22	50.0	63.1	46.5	14,563	3.2	1.4	Click
17	HT1	Xi măng	Mua	30/06/22	15.5	18.7	14.3	505	28.3	1.0	Click
18	NT2	Điện	Mua	28/06/22	24.8	28.0	30.5	3,116	9.8	2.0	Click
19	PVD	Dầu khí	Mua	28/06/22	17.4	19.8	20.7	0	#N/A N/A	0.8	Click
20	LHG	BĐS	Mua	27/06/22	31.5	54.8	31.0	2,692	11.5	1.1	Click
21	MIG	Bảo hiểm	Theo dõi	23/06/22	24.8	21.7	23.0	1,168	19.7	2.1	Click
22	PC1	Điện	Mua	23/06/22	39.2	45.9	36.0	2,081	17.3	1.7	Click
23	POW	Điện	Mua	13/06/22	15.0	17.0	12.8	676	18.9	1.0	Click
24	NKG	Thép	Mua	09/06/22	22.9	30.4	20.0	6,984	2.9	0.9	Click
25	REE	Điện	Mua	08/06/22	98.3	112.7	78.5	6,593	11.9	2.0	Click
26	LTG	Lương thực	Theo dõi	08/06/22	41.8	45.3	38.0	4,406	8.6	1.0	Click
27	GAS	Dầu khí	Mua	08/06/22	130.0	151.4	113.6	6,669	17.0	3.7	Click
28	ANV	Thủy sản	Mua	07/06/22	56.6	68.9	42.2	3,842	11.0	1.9	Click
29	HPG	Thép	Mua	07/06/22	33.2	42.1	22.4	4,747	4.7	1.3	Click
30	VOS	Vận tải biển	Mua	03/06/22	16.2	19.0	14.7	4,170	3.5	1.6	Click
31	BSR	Dầu khí	Mua	02/06/22	27.1	34.4	21.9	2,108	10.4	1.8	Click
32	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	68.3	3,616	18.9	5.8	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	111.1	5,978	18.6	3.4	Click
34	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	14.8	1,889	7.8	0.6	Click
35	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	30.5	3,116	9.8	2.0	Click
36	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	69.9	10,763	6.5	1.3	Click
37	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	79.5	5,014	15.9	5.1	Click
38	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	36.0	2,081	17.3	1.7	Click
39	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	16.3	179	91.0	0.8	Click
40	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	81.5	4,512	18.1	4.6	Click
41	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	31.2	2,277	13.7	2.1	Click
42	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	20.0	6,984	2.9	0.9	Click
43	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	12.8	676	18.9	1.0	Click
44	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	111.1	5,978	18.6	3.4	Click
45	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	68.0	3,436	19.8	4.4	Click
46	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	19.9	1,982	10.0	1.2	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
4	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
8	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
9	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
10	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
11	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
12	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
14	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
15	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
16	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
17	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
18	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
19	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
20	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
21	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
22	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
23	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
26	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
27	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
28	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
29	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
30	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
31	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
32	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
33	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
35	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
36	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
37	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
39	Banking Sector Outlook		x	Click
40	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
41	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
42	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
43	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
43	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639